

NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER NAM BỘ VỚI TỰ NHIÊN QUA CÁC NGHI LỄ TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG

Tóm tắt: Cộng đồng người Khmer có quá trình định cư và sinh sống lâu dài ở vùng đất Nam Bộ. Với lối sống khép kín, tách biệt, cùng phương thức sản xuất nông nghiệp cổ truyền, cộng đồng người Khmer đã nhanh chóng thiết lập và tổ chức đời sống xã hội gắn liền với môi trường sinh thái và hoàn cảnh sống xung quanh. Trong quá trình chinh phục và cải tạo tự nhiên để sinh tồn, cộng đồng người Khmer Nam Bộ không quên cầu khẩn, cúng bái, thực hiện các nghi lễ truyền thống để tạ ơn các đấng siêu nhiên tối cao đã bảo hộ, che chở cho đời sống cộng đồng, giúp họ trở nên mạnh mẽ và duy trì tốt lối sống đặc trưng trên vùng đất Nam Bộ.

Từ khóa: Nghi lễ; Khmer; Nam Bộ.

1. Khái lược chung về nghi lễ

Nghi lễ được hình thành từ rất sớm trong đời sống tinh thần và tín ngưỡng tôn giáo của con người. Các nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa đã xác định, các nghi lễ xã hội được khởi đầu và thể hiện từ thời đại đồ đá mới (upper paleotic) cách đây khoảng 10.000 năm. Về mặt từ nguyên, nghi lễ được bắt nguồn từ tiếng Latin là ritus - nghĩa là hành vi có trật tự. Về ý nghĩa của từ này, theo các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã có những nhận định khác nhau nhằm hướng đến định nghĩa chung nhất về nghi lễ.

Ở phương Tây, Robert Smith (1889) giả thuyết rằng, tôn giáo bao gồm niềm tin và nghi lễ. Như vậy, nghi lễ, theo ông là thực

* Đại học An Giang.

Ngày nhận bài: 24/3/2020; Ngày biên tập: 25/5/2020; Duyệt đăng: 08/7/2020.

hành tôn giáo. Trong khi đó Durkheim (1912) thì cho rằng, nghi lễ chính là hoạt động chỉ ra những quy định (rule) con người biết để tự điều chỉnh hành vi ứng xử của mình trước những đối tượng thiêng. Còn theo Tylor, nghi lễ là phương tiện giao tiếp với những thực thể linh hồn, là cầu nguyện, hiến tế, định hướng và tẩy uế. Với Victor Turner, nghi lễ là hành vi được quy định có tính chất nghi thức dành cho những dịp không liên quan đến công việc có tính chất kỹ thuật hàng ngày mà có quan hệ với các niềm tin vào đáng tối cao hay các sức mạnh thần bí. Như vậy, nghi lễ trong quan niệm của các nhà nghiên cứu nhân học Tây phương chính là những hoạt động thuộc phạm vi tinh thần, tín ngưỡng tôn giáo, được tiến hành ở những hoàn cảnh nhất định, được tổ chức trang trọng và có ý nghĩa biểu tượng, lặp đi lặp lại, được diễn ra trong không gian và thời gian xác định.

Ở Việt Nam, lễ nghi (nghi lễ) trong văn hóa Việt Nam được thể hiện thông qua hệ quy chuẩn giá trị trong mối quan hệ giữa người với người bằng thái độ, hành vi; trong tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện qua các lễ thức cúng bái, tế lễ hay cầu nguyện,... được diễn ra trong không gian hết sức thiêng liêng. Theo Thanh Nghị trong Việt Nam tân từ điển minh họa lễ nghi được hiểu là “lễ lối, phép tắc trong việc lễ”¹. Hay theo Hoàng Phê trong Từ điển tiếng Việt có viết: “lễ nghi là các nghi thức của một cuộc lễ (nói tổng quát) và trật tự tiến hành”². Do đó, theo hướng này có thể thấy, lễ nghi chính là hệ thống các phép tắc, khuôn mẫu mang tính lịch sử, là hình thức biểu hiện của giá trị văn hóa dân tộc thông qua thái độ, hành vi và ngôn ngữ giao tiếp trong đời sống, cùng các lễ thức cúng bái có trật tự của tín ngưỡng tôn giáo nhằm đáp ứng và phục vụ nhu cầu tinh thần của con người.

Từ những nhận định trên, có thể khẳng định rằng, lễ nghi chính là hệ thống các quy chuẩn có sức ảnh hưởng to lớn trong đời sống tinh thần, đạo đức và lối sống của cộng đồng xã hội. Sức mạnh của lễ nghi được thể hiện rất rõ ở việc điều chỉnh, định hướng hành vi, kể cả trong ngôn ngữ giao tiếp nhằm phát huy giá trị tốt đẹp của

bản thân con người và cộng đồng người. Ngoài ra, lễ nghi đôi khi lại trở thành luật tục, ăn sâu vào tâm thức con người, trở nên bền chặt, có sức mạnh hơn cả đạo luật, đồng thời, nó cũng là sự bảo tồn, củng cố và truyền tải những giá trị văn hóa riêng của một cộng đồng. Do đó, văn hóa lễ nghi luôn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần, ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành đạo đức, lối sống và tính cách tộc người, cũng như từng cá nhân trong cộng đồng xã hội.

2. Nghi lễ và các hình thức thờ cúng truyền thống của người Khmer Nam Bộ trong mối quan hệ với tự nhiên

Đời sống của mọi sinh vật nói chung và con người nói riêng luôn gắn liền với tự nhiên. Mối liên hệ giữa con người và tự nhiên được xem là chỉnh thể thống nhất, không tách rời. Con người được sinh ra từ môi trường tự nhiên và đồng thời con người cũng quyết định đến số phận của mình trong mối quan hệ ấy. Cho nên, từ mối quan hệ khăng khít đó đã góp phần hình thành nên những giá trị tinh thần bền vững trong mối quan hệ biện chứng, tương hợp, tương sinh. Trong sự gắn bó hữu cơ này, người ta luôn nói đến thái độ và hành vi như là minh chứng cho lối sống không thể tách rời với giới tự nhiên của bản thân con người. C. Mác đã từng khẳng định rằng: “Giới tự nhiên (...) là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên”³. Đây được xem là cơ sở cho việc giải thích mối quan hệ biện chứng giữa con người và giới tự nhiên, nhất là nhấn mạnh đến lối sống, thái độ và hành vi của con người trong mối quan hệ đó.

Đất Nam Bộ bao gồm 3 khu vực chính: Đông Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và Tây Nam Bộ, tức Đồng bằng sông Cửu Long. Cùng sinh sống trên mảnh đất này,

ngoài cộng đồng người Việt, người Hoa, người Chăm,... không thể không nói đến cộng đồng người Khmer. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, cộng đồng người Khmer định cư chủ yếu ở 20 huyện, thị thuộc 9 tỉnh, thành: An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Trong số đó, hiện nay ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh là những địa phương có cộng đồng người Khmer sinh sống đông đảo nhất. Sở dĩ cộng đồng người Khmer chọn Nam Bộ làm nơi định cư và sinh tụ lâu dài, bởi ngoài những yếu tố về lịch sử và địa lý - tự nhiên, là do vùng đất này rất phù hợp với phương thức sản xuất nông nghiệp cổ truyền, lại có khí hậu và thời tiết ôn hòa phù hợp với tâm lý sinh hoạt và lối sống của đồng bào. Mặt khác, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự hiện diện của tộc người Khmer ở Nam Bộ cũng xuất phát từ đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, mà cụ thể là quan niệm về hoàn cảnh sống và không gian tu tập.

Vốn là những cư dân có mặt từ khá sớm ở Nam Bộ, chính quá trình định cư và sinh tụ lâu dài đã hình thành trong lối sống của cộng đồng người Khmer những quan niệm sống gắn bó với thiên nhiên. Đó là lối tư duy mộc mạc, chất phác, cùng quan điểm nhị nguyên xem trời đất và con người là một thể thống nhất. Khi sinh tụ ở Nam Bộ, đứng trước thiên nhiên bao la, rộng lớn, cộng đồng người Khmer luôn thiết tha và mong muốn khẳng định cuộc sống tự nhiên thuần phác của mình, say mê trước vẻ đẹp huyền ảo của thiên nhiên, nhưng cũng chính thiên nhiên đầy huyền bí và uy lực ấy luôn tạo áp lực rất lớn, tác động đến tâm lý và lối sống của đồng bào. Người Khmer cảm thấy nhỏ bé trước những lực lượng mạnh mẽ, khắc nghiệt của tự nhiên. Chính điều kiện sống như thế đã tác động thường xuyên, lâu dài đến phương thức sinh hoạt, phong tục tập quán, tâm lý, tín ngưỡng tôn giáo, quan điểm, tư tưởng, và đặc biệt hơn là ảnh hưởng đến phong cách tư duy độc đáo vừa trừu tượng, vừa thâm trầm cao siêu.

Do không gian sinh tồn của cộng đồng người Khmer chịu ảnh hưởng rất lớn từ điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh địa lý, nên tư duy

của đồng bào mang tính thần thoại rõ nét, bởi ở đây vừa có núi, rừng, đồng bằng, lại vừa có hai mùa mưa nắng rõ rệt. Mùa nắng, đất đai khô cằn, tàn phá sức sống, mùa mưa thì nước dâng cao làm ngập úng đồng ruộng, nạn lũ lụt bám dai dẳng người dân vào tận giấc ngủ. Có những năm nước lũ đã nhấn chìm xóm làng ở vùng đồng bằng. Khi nước lũ rút đi, xóm làng ở đây trở nên điêu tàn. Tất cả của cải đều trở thành đối tượng hủy diệt của dòng sông. Phải chăng đây chính là hình ảnh được ghi lại trong thần thoại về “nguồn gốc vũ trụ và muôn loài”, để rồi có sự hiện diện của thần Têvađa⁴, rồi thần Maha Prum⁵. Rõ ràng, bên cạnh những yếu tố của văn hóa Ấn Độ, chính đặc điểm thiên nhiên đã hình thành trong tư duy của cộng đồng người Khmer các quan niệm về thế giới hết sức sâu sắc. Ngoài ra, xuất phát từ thần thoại hay truyền thuyết: Sự tích Ao bà Om (Trà Vinh), Bôpiel diệt cá sấu ở Vàm sông Long Xuyên, sự tích khe suối Chì, khe suối Anh (huyện Tri Tôn, An Giang), hay sự tích núi Mê-đeng (Núi Bà Đen, Tây Ninh),... đã phản ánh mối liên hệ tương thông, tương hợp giữa thiên nhiên và con người, chất chứa giá trị cuộc sống vô cùng to lớn. Sơn Nam trong công trình Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang đã có những ghi nhận như sau: “Đất mới, phía hữu ngạn sông Hậu, úng lụt trên diện tích lớn, với những đôn điền vừa hình thành, thừa thớt dân cư, thêm vùng Bảy Núi, (...) Chùa Tô Sơn ở phía Tây chân núi Tô (Bảy Núi) nơi có viên đá hình con rùa. Đây là chùa mà người Việt và người Khmer đều tôn trọng, cầu đảo khi nắng hạn, thờ một dạng thủy thần, gọi theo tiếng Khmer là thần Sa-đéc”⁶. Tương tự, ngay trong văn hóa cổ truyền của cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ vẫn còn lưu truyền một số loại hình tín ngưỡng dân gian đặc sắc phản ánh đời sống tinh thần, tâm linh của những cư dân nông nghiệp, đó là hình thức thờ cúng theo Hồn linh giáo, như: Arăk, Néak Tà, thờ Mẫu (thờ Hồn Lúa, thờ Bà),.... Vì thế, đứng trước thiên nhiên bao la, mênh mông và rộng lớn, các cư dân Khmer luôn bộc lộ tâm lý lo lắng, khép mình, thuận phục với thiên nhiên và các thế lực siêu nhiên tại chỗ. Niềm khao khát

chính yếu của họ là mong mỗi được sống bình yên, làm ăn thuận lợi, cuộc sống an vui. Đồng thời, để đáp lại sự ban ơn của các thần và giới tự nhiên, cộng đồng người Khmer không quên cầu khẩn, cúng bái, thực hiện các lễ nghi mang tính thiêng nhằm tạ ơn “cha trời, mẹ đất” luôn dõi theo, phù hộ cho đời sống của toàn cộng đồng. Đó là các lễ nghi và hình thức thờ cúng truyền thống như trình bày dưới đây.

Thờ cúng Thần theo tập tục cổ truyền

Đây được xem hình thức cúng bái lâu đời, phản ánh rõ nét đời sống tâm linh đặc sắc, thể hiện sự tôn kính và biết ơn các thế lực trong tự nhiên đã che chở và phù hộ cho đời sống của cộng đồng người Khmer.

Thờ cúng Arăk và Néak Tà⁷: Về căn bản, đây được xem là hai vị thần bảo hộ, có ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống của cộng đồng người Khmer. Trước thế kỷ XVII, người Khmer chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của Ấn Độ giáo. Sự ảnh hưởng đó ngày càng nhiều và chiếm ưu thế hơn so với Phật giáo Nam tông trong đời sống tinh thần. Đối với cộng đồng người Khmer, tục thờ cúng Arăk và Néak Tà được xem là phổ biến, có ảnh hưởng to lớn đến lối sống thuần nông. Theo người Khmer, Arăk có nghĩa là giữ gìn, bảo vệ. Arăk không có hình dáng cũng như biểu tượng rõ rệt, được xác định có nguồn gốc là linh hồn người chết nhưng hiển linh được tôn lên làm thần để bảo vệ dòng họ, gia đình hay nhà cửa. Có nhiều loại Arăk và có những Arăk được xác định danh xưng, như: Arăk phteah (Arăk bảo vệ nhà cửa), Arăk Trâkâul (Arăk bảo vệ dòng họ), Arăk Phum (Arăk bảo vệ đất đai), Arăk Prei (Arăk bảo vệ rừng), Arăk Phnom (thần núi), Arăk Véal (thần ruộng),... Arăk được cộng đồng người Khmer xem là thần thiện, rất nhạy bén về quyền năng. Trong đó, thần sử dụng có tên rub Arăk (xác đồng) như trung gian để qua đó “thần biểu lộ những mong ước của mình đối với người sống, và cũng chính qua trung gian này mà người ta cầu xin thần những gì họ cần và được thần trả lời cũng qua những xác đồng đó”⁸.

Hầu như gia đình Khmer nào cũng đều thờ cúng Arăk. Đối với họ, việc cầu cúng Arăk luôn được diễn ra với thái độ tôn kính và chân thành. Tất cả các hoạt động thờ cúng đều nhằm thỏa mãn hai mục đích: Một là, đáp ứng nhu cầu tâm tinh, và hai là để cầu khẩn, tạ ơn thần. Điều này có thể thấy rõ thông qua lễ thức cúng bái rất đặc trưng. Chẳng hạn, khi cúng Arăk phteah hoặc Arăk chuorbuo, lễ vật cầu cúng phải tương thích với vai trò của vị thần bảo hộ cho gia đình, trông nom đời sống vật chất và tinh thần của gia chủ, lễ vật cầu cúng gồm có: Mômông (đèn nhang), Slathô (một cặp), Sla chôm, sla chip (một cặp), mulu chíp (một cặp), gà luộc (1 con), chè nếp (4 chén), chuối xiêm (1 nải), giàn nhạc (Skôr Arăk),... Hoặc với Arăk Véal là vị thần bảo vệ đồng áng, ruộng rẫy, gia súc và gia cầm, để được trúng mùa hoặc muốn trâu bò được khỏe mạnh phục vụ việc cày cấy tốt, họ thường tế Arăk Véal và cầu nhập xác đồng để xin báo điềm lành hay xấu nhằm đề phòng những điều không hay, cũng như sẽ làm theo những chỉ dẫn về việc làm mùa như thế nào cho hiệu quả. Trong các lễ cúng này, đều có một người nhập thần gọi là rub Arăk. Rub Arăk có thể là nữ hoặc nam, nhưng thường là nam, có tuổi, cùng một thầy cúng am tường về lễ thức, biết nói và hiểu được tiếng nói của thần để làm trung gian giữa thần và người. Hòa cùng không gian linh thiêng của buổi tế cúng, chính là không khí trang trọng nhưng không kém phần huyền bí bởi những âm thanh nghe réo rắt, ma quái được phát ra từ những tiếng đàn Arăk và kèn pei-âr mà khi nghe ai cũng muốn nhập thần ngay. Trong bài hát nhập thần có đoạn:

“Xin khẩn nguyện - các vị thần linh,
 Có phép màu nhiệm - quyền lực bao trùm
 Không biết hay sao - Tên gọi Têpthita
 Xuống bảo vệ - Người ở trần thế
 Xin mời thầy “nhỏ” - Và cả thầy “lớn”
 Ở trên đỉnh núi - không trung bao la

Hãy đến nàng Khmau - lười nàng là lửa

Hãy bùng cháy lên!”⁹

Hay ở các lễ thức nông nghiệp cổ truyền, để cầu cho lúa tốt, mạ xanh, mùa màng bội thu, người ta cũng cầu xin sự phù hộ và ban phước lành của thần, cụ thể như:

“Tất cả chư vị!

Hôm nay là ngày thứ sáu

Tôi gieo mạ.

Mời chư vị đến đây

Làm cho mạ tôi tươi tốt.”¹⁰

(Bài ca cúng Thần ruộng Arăk Véal)

“Tôi xin các ngài coi sóc ruộng nương

Đừng để lúa tôi hư hại

Đừng cho cua cắn lúa

Đem các lễ vật này cúng ngài,

Xin các ngài phù hộ cho lúa tốt tươi,

Bông lúa dài, hạt lúa chắc...”¹¹

(Bài ca cúng Thần Arăk Phum)

Theo tập tục này, vào tháng Giêng âm lịch hàng năm, cộng đồng người Khmer lại tổ chức lễ nhập thần (Pithi Đâm long Arăk), vừa để bói toán việc cát hung, vừa cầu cúng và trả ơn các vị thần linh đã phù hộ, bảo vệ và chỉ dẫn mùa màng trong năm. Bên cạnh tục thờ Arăk, xã hội Khmer còn nói nhiều và nhắc nhiều đến một vị thần khác có vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần, luôn đảm bảo mọi điều trong phum sóc Khmer, đó chính là Néak Tà. Néak theo tiếng Khmer dùng để chỉ con người nói chung, còn Tà ý nói về ông già, người lớn tuổi, hai chữ Néak Tà hợp lại thành ý niệm về thần linh. Nếu người Việt ở Nam Bộ thường gọi Néak Ta là ông Tà hoặc Thần Tài, thì người Khmer xem Néak Tà chính là ông thần địa phương, có nhiệm vụ trông coi sức khỏe và thịnh vượng

ở những nơi mà ông cai quản. Néak Tà của cộng đồng người Khmer mang đậm dấu ấn của Bàlamôn giáo với các loại như: Néak Tà Dây Khmau, Kro-hom (cổ đồ), Buôn Muk (bốn mặt), Potthobol (bụng bự). Đây là những hình tượng dân gian được gắn cho các thuộc tính, các hóa thân hay giữ một chức vụ như cận thần của thần Visnu hay Shiva. Điều đặc biệt, có một số Néak Tà như: Néak Tà Morey, Néak Tà Proum, hay Néak Tà En thường được cộng đồng người Khmer dùng để gọi các vị thần Bàlamôn như: Visnu, Brahma và Indra.

Tục thờ cúng ông Tà, cũng như các vị thần khác trong thiên nhiên, như: mưa, gió, sấm, chớp,... từ lâu đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của những nông dân Khmer, vốn có trước khi có sự du nhập của Phật giáo trong đời sống tinh thần của toàn cộng đồng. Néak Tà có thể ở chùa, Néak Tà có thể mang tên một vật gì đó, cũng có thể là một vật cụ thể trong tự nhiên như hòn đá,... và cũng có thể mang tên một người hay tên sự tích liên quan đến người, hoặc tên các vị thần trong Bàlamôn giáo, như: Visnu, Shiva, Brahma,... Người Khmer thường dựng miếu Néak Tà ở đầu làng, ở ngã ba đường, ở góc ruộng,... để hàng năm, ít nhất một lần, dân làng Khmer làm lễ cầu an trước miếu, mong cho mưa thuận gió hòa, gia đình hạnh phúc, phum sóc được an vui, hay các dịp có cưới hỏi, tang ma, khi đi ngang qua các miếu Néak Tà họ đều dừng lại khấn vái, cầu cho thuận buồm xuôi gió, hạnh phúc và bình an.

Thờ Mẫu trong đời sống tinh thần

Đối với cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, tín ngưỡng thờ Mẫu đã ăn sâu vào tiềm thức của đồng bào với sự trân trọng và lòng thành kính tuyệt đối. Thờ Mẫu là tín ngưỡng bản địa có nguồn gốc từ thời kỳ nguyên thủy, lấy Mẫu (Mẹ) là đấng sáng tạo và bảo trì cho vũ trụ và con người, là nơi mà con người ký thác những mong muốn, khát vọng về đời sống sung túc, mạnh khỏe, may mắn và tài lộc. Giống như những quan niệm của cộng đồng người khác, Mẫu trong cộng đồng người Khmer chính là mẹ, là bà, rất cao quý, luôn được tôn trọng trong mọi hoạt động sống của toàn cộng đồng. Thờ Mẫu của người Khmer có hai hình thức cơ bản, gồm thờ bà thiện và

bà ác, đây là hai bà thể hiện cho hai mặt đối lập trong đời sống của đồng bào. Cộng đồng người Khmer thờ Bà đen (Lok yeay neang khmau) hay còn gọi là bà thiện, tượng trưng cho cái thiện, điều lành, cái tốt đẹp, hữu hình trong đời sống tinh thần. Đây là bà Mẫu có vai trò phù hộ cho mọi gia đình được hạnh phúc, sức khỏe, mua may bán đắt, tai qua nạn khỏi khi làm ăn xa,... Bên cạnh đó, cộng đồng người Khmer còn thờ Bà Khay xanh (Lok yeay kontong khieu) hay còn gọi là bà ác, tượng trưng cho cái ác, cái xấu, vô hình. Đây là Mẫu mang đến những điều không may trong cuộc sống. Cho nên, nếu gặp những điều không may, cãi vã hay có tội, người Khmer sẽ mang đồ cúng đặt vào bẹ chuối thả ở các kênh, rạch hay ao hồ gần nhà vào những ngày rằm với mục đích là xin tội và cầu mong những điều không may sẽ không đến với họ nữa.

Có thể thấy, việc thờ Mẫu trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer nhằm hướng đến hai mục đích: một là, Mẫu là đáng sùng tạo với chức năng đảm bảo sự sống con người được sung túc, mạnh khỏe, bình an nên người Khmer luôn tôn kính Mẫu với ý nghĩa là mẹ thiên nhiên đảm bảo sự sống; hai là, vì Mẫu là hiện thân cho hai thái cực thiện - ác đối xứng nhau trong đời sống, cho nên việc tôn thờ Mẫu cũng chỉ nhằm hướng con người đến cái thiện, tránh xa cái ác. Cho nên, ý nghĩa lớn nhất của việc thờ Mẫu trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer chính là sự kết hợp song hành giữa hành vi tôn kính và tinh thần hướng thiện trong lối sống. Đây được xem là một dạng thờ cúng thần tự nhiên đặc trưng của những cư dân nông nghiệp bản địa.

Cầu cúng hồn lúa (nữ thần Lúa)

Trong hệ thống các lễ nghi nông nghiệp của cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, cầu cúng hồn lúa được xem là tập tục cổ truyền, phản ánh rõ nét lối sống mộc mạc, chất phác của những người bình dân thuộc nền văn minh lúa nước. Hồn lúa theo quan niệm của người Khmer là nữ thần, là vị thần bảo hộ cho lợi hại của mùa vụ, cho mùa màng trong năm. Do đó, tập tục này được xem là hình thái tín ngưỡng dân gian quen thuộc, có nhiều nét tương đồng với các

cư dân nông nghiệp thuộc ngữ hệ Môn - Khmer trong khu vực Đông Nam Á, như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar,... với quan niệm cho rằng: sự sinh sản của Đất - Nước - Lúa gắn với biểu tượng Mẹ - Nữ thần. Tuy nhiên, ở mỗi cộng đồng dân cư đều có niềm tin và cách thờ cúng khác nhau tùy theo khu vực, vùng miền và đặc trưng văn hóa mà có sự khác biệt.

Cây lúa và các sản phẩm làm từ lúa luôn gắn bó mật thiết trong đời sống của cộng đồng người Khmer, và được họ trân trọng xem như là quà tặng cao quý từ thiên nhiên. Cộng đồng người Khmer quan niệm rằng, to lớn nhất trong các thứ là trời và đất, bao dung nhất không có gì bằng tình cha mẹ và quý giá nhất trong các vật chính là lúa gạo, gạo thóc là vốn quý của trời - đất, trong trời - đất không có gì quý bằng lúa gạo, chỉ có lúa gạo mới nuôi sống con người. Trong lối sống thuần nông của các cư dân Khmer, sự trân trọng và biết ơn hạt lúa được thể hiện qua tín ngưỡng cầu cúng thần (cúng Brôlung Srâu) với thức cúng là một mâm cơm tươm tất, tinh khiết, dưới sự chỉ dẫn của vị Achar¹² cùng bài kinh “cúng cơm” để mời gọi hồn lúa về đem no ấm cho mọi nhà. Các phẩm vật dâng cúng tổ tiên, mẹ đất và cúng thần ruộng đều được làm từ gạo và nếp cùng với các nông sản: trái cây, bánh ngọt, ngũ cốc, nhất là xôi và cơm được vắt thành từng nắm tròn, nhỏ gọi là “cơm phước”. Các thức cúng (bai bin) được đặt ở xung quanh chính điện nhà chùa. Cúng xong, một phần món ăn đó được đặt ở cổng chùa để bố thí cho người nghèo, một phần được đem rải ở ruộng lúa để cúng thần bảo hộ ruộng đất (Arăk Véal). Tục “đưa cơm cho lúa” này thuộc dạng tín ngưỡng nông nghiệp nhằm ý nghĩa cầu mong cây lúa, mùa màng sắp tới được tươi tốt, có đủ cơm ăn. Ngoài ra, người Khmer còn quan niệm cây lúa giống như người phụ nữ - có thời con gái, có lúc đẻ con. Do đó, hình tượng nữ thần lúa trong văn hóa Khmer là người đàn bà cưỡi trên mình cá chép, tay cầm nhánh lúa vàng tươi. Vì vậy, phần nhiều tên các giống lúa đều được bắt đầu bằng chữ “nàng” hoặc “Néang”, như: nàng nheng, nàng lép, nàng thom,... Người Khmer còn tin lúa có 19 hồn (pralung srâu). Trước

khi gặt, người Khmer phải làm lễ cúng gọi hồn lúa về nhà. Sau khi gặt, lúa đổ vào bồ phải đập kỹ để hồn lúa khỏi bay đi nơi khác. Vì lễ đó, người Khmer bao giờ cũng lưu lại trong bồ nhà mình một ít lúa để hồn lúa không biến mất, mùa màng thu hoạch được đủ đầy, bội thu. Theo quan niệm của người Khmer xưa, khi thu hoạch lúa, họ phải dùng tay thu hoạch từng bông, nâng niu từng hạt vì đơn giản là để tôn kính vị thần mùa màng mang ấm no đến cho mọi người, mọi nhà. Trong văn học Khmer, nhất là các bài hát nông lễ ngợi ca cuộc sống, lao động sản xuất, người Khmer đặc biệt chú ý và thường hát về thần Brôlung Srâu:

“Tất cả mọi người: người già cả, các cô gái và những bà mẹ.

Hãy chú ý nghe tôi tạ ơn thần Hồn Lúa.

Khi đã chuẩn bị dây cột cày, dây cột bừa,

Tôi đã đi cày, đi bừa, đi gieo hạt giống và đi nhổ mạ.

Lung tôi rám khô dưới nắng,

Tay tôi dựa trên “thororây”

Tôi gặt một bó lúa: được một Kòta

Tôi gặt một gánh: được một cộ đầy.”¹³

(Bài ca tạ ơn thần Brôlung Srâu)

Như vậy, qua các tập tục và lễ thức thờ cúng thần trong tự nhiên, đã cho thấy thái độ thành kính đối với giới tự nhiên trong lối sống của cộng đồng người Khmer, đó là thái độ sống nhẹ nhàng, chừng mực nhưng sâu sắc với triết lý sống gần gũi, gắn bó với giới tự nhiên bằng đạo lý uống nước nhớ nguồn.

Thờ cúng qua các lễ hội truyền thống

Là những cư dân thuần nông, từ lâu người Khmer Nam Bộ đã biết đẩy mạnh việc canh tác nông nghiệp trong không gian sinh tồn bằng phương thức sản xuất lâu đời. Ngoài ra, họ cũng rất thông thạo việc chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm phục vụ đời sống. Tuy nhiên, cộng đồng người Khmer Nam Bộ cũng thường bị chi phối bởi các hiện tượng hay biến cố từ thiên nhiên qua những chuyển

động của thời tiết. Để cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng được bội thu, người Khmer đã tổ chức các lễ thức cầu cúng, tạ ơn các thần nhằm tìm sự giúp đỡ và phù hộ. Từ đây, đã xuất hiện hình thức cộng hưởng, giao thoa trong lòng văn hóa dân tộc, đó là sự tác động qua lại giữa các lễ hội tôn giáo với lễ thức nông nghiệp cổ truyền. Đó vừa là nét đẹp văn hóa nhưng cũng vừa phản ánh lối sống thuần nông với tín ngưỡng phồn thực, và quan trọng hơn vẫn là thái độ thành kính đối với môi trường sống, với giới tự nhiên. Tiêu biểu và đặc sắc nhất phản ánh cho tinh thần này có các lễ hội sau:

Tết cổ truyền Chol Chnam Thmây (lễ vào năm mới hay lễ chịu tuổi)

Được xem là lễ lớn nhất trong năm của cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, là lễ hội mừng năm mới được tổ chức theo lịch cổ truyền dân tộc. Tết cổ truyền Chol Chnam Thmây thuở xưa đã được các Hôra¹⁴ ấn định, và lễ sẽ được cử hành trong vòng ba hay bốn ngày tùy theo năm vào tháng Tư dương lịch (cứ ba năm tết 3 ngày là một năm nhuận tết 4 ngày).

Cộng đồng người Khmer đón năm mới với ý nghĩa căn bản giống như các tộc người khác, là ai ai cũng lo dành dụm thật nhiều tiền của, gạo nếp, thức ăn, bánh trái, quần áo mới cho chu toàn, tươm tất, để xóa bỏ những ưu phiền trong năm cũ, chào đón năm mới thật nhiều may mắn, thuận lợi và bình an. Trong những ngày giáp tết, người Khmer hăng hái trang hoàng nhà cửa (nhất là bàn thờ Phật), đường xá thông thoáng, không gian phum sóc tương đối khang trang. Họ làm bánh trái, hoa quả để mang vào chùa lễ Phật, cũng như kính dâng chư thiên đã phù hộ cho đời sống trong năm. Trước Tết một ngày, gia đình Khmer nào có con trai đến tuổi quy y đều đưa đến chùa tụng niệm kinh Phật, làm lễ thí phát cho những sư mới. Đêm giao thừa, những người lớn tuổi trong phum sóc thường túc trực cùng các sư sãi tổ chức tụng kinh để đưa năm cũ và đón rước năm mới, còn các gia đình trong phum sóc Khmer đều đốt đèn, thắp hương làm lễ đưa tiễn Têvađa cũ và chào đón Têvađa mới theo tập tục cổ truyền. Họ tin rằng, Têvađa “chính là vị tiên được trời sai xuống để chăm lo cho dân chúng trong một năm, hết năm lại đưa vị khác thay công việc đó”¹⁵.

Cho đến nay, lễ thức quan trọng nhất trong những ngày Tết cổ truyền của đồng bào Khmer vẫn là “đắp núi cát” và “tắm Phật”. Đó là lễ thức cổ truyền, vừa thể hiện cho niềm tin tôn giáo sâu sắc, mãnh liệt, nhưng cũng vừa phản ánh hơi thở cuộc sống, phản ánh lối sống thuần nông với mong muốn mưa thuận gió hòa, mọi điều thuận lợi, cuộc sống an vui. Tết cổ truyền Chol Chnam Thmây của đồng bào dân tộc Khmer được diễn ra vào tháng Tư hàng năm, khi không gian thông thoáng, khí trời mát mẻ, khô ráo và mùa màng cũng vừa thu hoạch xong, chính là thời điểm thuận lợi, thoải mái nhất để mọi người thong dong hưởng thụ những ngày lễ hội truyền thống vui vẻ mà không phải vướng bận lo toan. Tết Chol Chnam Thmây được tổ chức theo đúng nghi lễ truyền thống được diễn ra trong ba ngày: Đêm Giao thừa nhằm vào đêm 13 tháng Tư, được cúng tại nhà để đưa tiễn “Têvađa” cũ và rước “Têvađa” mới. Đây cũng chính là đêm “lễ đi tu”(Bon bâm bous) của các chàng trai. Đồng bào Khmer tin rằng, mỗi năm sẽ có một vị Têvađa xuống trần để chăm lo cho đời sống của họ được an cư, lạc nghiệp. Vào những ngày lễ tết, người Khmer thường khẩn nguyện và cầu mong Trời, Phật ban phúc lành trong năm mới bằng những lời chúc tụng ý nghĩa như:

“Ngày đầu năm rộn ràng
 Cả phum sóc ai ai cũng xôn xang
 Tôi đây chúc nhà ông nhà bà
 Thóc gạo đầy bồ, con cháu giỏi giang
 Hôm nay thần Têvađa về phum ta
 Ta mời thần đi chúc khắp họ hàng
 Cho ngày Tết thêm rộn ràng”

(Bài ca Thần Têvađa chúc năm mới)

Lễ Ok Om Bok (Lễ cúng Trăng và các vì sao)

Một lễ nghi nông nghiệp khác cũng đề cao giá trị đạo đức truyền thống, phản ánh hành vi và thái độ của cộng đồng người Khmer đối với giới tự nhiên. Ok Om Bok còn được gọi là lễ “cúng Trăng và

các vì sao”, là lễ hội dân gian rất lâu đời của người Khmer Nam Bộ. Lễ hội này được diễn ra hàng năm vào đêm 15 tháng Mười âm lịch, được chia làm hai phần, vừa có phần lễ, vừa có phần hội. Phần lễ được tiến hành theo tập tục cổ truyền với các hình thức cúng bái mang đậm màu sắc của lễ nghi nông nghiệp, còn phần hội được diễn ra song hành cùng phần lễ với các loại hình vui chơi, giải trí đậm chất dân gian Khmer. Theo quan niệm dân gian, đây là ngày cuối cùng của một chu kỳ Mặt Trăng xoay quanh Trái Đất và cũng là thời điểm hết thời vụ trong năm, chính là dịp để người Khmer bày tỏ tấm lòng đối với vị thần bảo hộ. Cũng theo người Khmer, cúng Trăng là để tạ ơn “Thần Mặt Trăng” (là vị thần vốn được người Khmer quen gọi với danh xưng “ông thần” điều tiết mùa vụ) trong một năm đã bảo vệ mùa màng, đem lại mưa thuận gió hòa, giúp mùa màng được bội thu cho mọi nhà và cho cả cộng đồng, đồng thời còn giúp cho nông dân trúng mùa trong năm tới.

Buổi lễ cúng Trăng sẽ được tiến hành trong không gian và thời gian rất trang trọng, được diễn ra tại khuôn viên nhà chùa hay ở từng nhà, hoặc nhiều nhà cùng tập trung ở một nơi có bãi đất rộng, không bị che khuất bởi bóng cây. Đến giờ thiêng, người dân bày lễ vật lên bàn, ngoài cơm dẹp là vật cúng truyền thống, bắt buộc, còn có dừa, chuối, khoai, trái cây, bánh kẹo,... (đa phần lễ vật dâng cúng là nông sản). Khi Mặt Trăng lên cao, tỏa sáng rộng khắp trên không trung thì đồng bào tiến hành thắp nhang, thắp đèn cầy, rót trà,... và mời các vị cao niên hay người lớn tuổi trong gia đình chủ trì buổi lễ. Nội dung khẩn vái chủ yếu bày tỏ lòng biết ơn đối với thần Mặt Trăng, xin thần tiếp nhận lễ vật và ban phúc cho mọi người được khỏe mạnh, bình an, mưa thuận gió hòa để mùa màng xanh tốt, được hưởng nhiều phúc ân và thành quả trong lao động sản xuất vào dịp năm mới. Xong các nghi thức cúng bái là phần dứt cơm dẹp vào miệng trẻ em, lúc này người chủ trì buổi lễ sẽ gọi các trẻ em đến gần chấp tay nhìn về phía Mặt Trăng, lấy cơm dẹp và các vật cúng khác, rồi cho mỗi thứ một ít vào miệng mong cho cuộc sống luôn no đủ, sung túc. Cúng xong, bà con tụ họp dùng vật

cúng, cũng như tham gia vui chơi, múa hát theo các giai điệu dân gian quen thuộc cổ truyền. Dưới ánh trăng vàng vạc, những người nông dân Khmer không quên gửi những ước nguyện của mình theo những chiếc đèn hoa đăng lấp lánh, hay chiếc đèn gió bay vút lên không trung như mang theo những lời nguyện cầu của những người nông dân Khmer đến thần linh.

Lễ nhập hạ (Bon Châul Vâssa)

Nếu tết cổ truyền Chol Chnam Thmây và lễ cúng Trăng Ok Om Bok mang màu sắc của tín ngưỡng dân gian, thì lễ nhập hạ Bon Châul Vâssa lại mang đậm màu sắc tôn giáo, nhưng cũng thể hiện một cách trọn vẹn lối sống chan hòa, gần gũi với thiên nhiên của cộng đồng người Khmer. Lễ nhập hạ, còn được gọi là lễ Chol Neasa hay Bon Châul Vâssa¹⁶, là nghi lễ truyền thống của người Khmer ở Nam Bộ. Thời gian nhập hạ kéo dài trong ba tháng, được bắt đầu từ 15 tháng 6 đến 15 tháng 9 âm lịch (tháng Asat của người Khmer). Đối với cộng đồng người Khmer, mùa mưa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nước mưa sẽ tưới mát ruộng trên, cung cấp nguồn nước tự nhiên cho vụ sản xuất chính trong năm. Do lễ nhập hạ cũng được tổ chức vào mùa mưa, cũng là khi bắt đầu vào mùa gieo trồng và cấy cấy nên đồng bào Khmer càng đặc biệt quan tâm đến mùa vụ và trân quý công sức bỏ ra để chào đón niên vụ chính của năm. Trong ngày đầu của tháng nhập hạ, đông đảo bà con nông dân Khmer tập trung đến chùa để cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, gia đình yên vui, hạnh phúc. Đồng thời, dâng các vật dụng sinh hoạt cho các chư tăng tại chùa trong ba tháng nhập hạ. Người Khmer tin rằng, nếu mang tấm lòng thành vào chùa khẩn nguyện, cũng như dâng cúng lễ vật do mình tạo ra sẽ được Đức Phật phổ độ cho đời sống được an vui.

Ngoài ra, trong ba tháng nhập hạ, ngoài việc thắp đèn cây, các chùa Khmer còn đánh trống vào buổi sáng (bắt đầu từ 4 giờ - 5 giờ) và buổi chiều (từ 16 - 17 giờ) để giúp cho đồng bào của phum sóc Khmer chủ động được thời gian trong hoạt động sản xuất, sinh hoạt. Đến rằm tháng 9 âm lịch, nhà chùa lại làm lễ Chên Vâssa¹⁷.

Trong dịp này, bà con dân tộc Khmer thường tổ chức nghi thức thả đèn nước (Lôi protip) trên các dòng sông của phum sóc với ý nghĩa để tưởng nhớ đến Đức Phật và cũng nhằm bày tỏ lời xin lỗi “Thần nước và đất” vì đã làm ô uế trong quá trình lao động sản xuất. Sau đó, mọi người lại dùng xe hay kiệu để đưa đèn ra sông thả theo dòng nước và có đoàn múa trống Sa-dăm¹⁸ của chùa đi theo để thêm phần long trọng. Như vậy, lễ nhập hạ có ý nghĩa quan trọng đối với sư sãi và người Khmer, vừa tạo thời gian để sư sãi chuyên tâm học đạo, trau dồi giáo lý và tự vấn bản thân trong quá trình tu hành, đồng thời cũng vừa tạo điều kiện cho người dân chuyên tâm lao động sản xuất để đạt năng suất cao trong mùa vụ. Nhưng quan trọng hơn vẫn là ý thức tôn trọng giới tự nhiên, thần linh qua hành vi cúng bái, chịu lỗi trong quá trình lao động sản xuất. Rõ ràng, đó là sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động của cộng đồng người Khmer trong mối quan hệ gắn bó với môi trường sống và giới tự nhiên.

Có thể thấy rằng, trong mối quan hệ với tự nhiên, cộng đồng người Khmer Nam Bộ luôn bày tỏ thái độ thành kính, dè dặt, có chừng mực bởi theo quan niệm của họ, thiên nhiên luôn có “linh hồn” do các vị thần ngự trị ở đó. Vì vậy, từ suy nghĩ đến hành động, tất cả phải nhằm mục đích điều tiết sao cho đảm bảo sự cân bằng và hòa hợp giữa lối sống với môi trường tự nhiên. Điều này được thể hiện qua các lễ nghi và hình thức thờ cúng dân gian cổ truyền được cộng đồng người Khmer cụ thể hóa bằng các lễ tiết thờ cúng truyền thống mà cho đến nay vẫn còn hiện hữu trong tập quán sinh sống của đồng bào.

3. Kết luận

Nhìn chung, tất cả các lễ tục truyền thống của cộng đồng người Khmer đều hướng về nguồn. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra và là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời. Đồng thời, qua lễ nghi và các hình thức cúng bái truyền thống đã cho thấy ý thức, thái độ và tinh thần giáo dục sâu sắc của cộng đồng người Khmer Nam Bộ. Nó vừa phản ánh cho lối sống phồn

thực đậm màu sắc nông nghiệp nhưng cũng vừa biểu trưng cho thái độ thành kính đối với giới tự nhiên và môi trường sống xung quanh, được kết nối không thể tách rời với niềm tin tôn giáo trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer trong quá trình sinh tụ lâu dài ở vùng đất Nam Bộ. Đặc biệt hơn, qua các lễ tục thờ cúng truyền thống, tinh thần và ý thức giáo dục đức hạnh luôn được đề cao và xác lập, mang giá trị nhân bản gắn với triết lý nhân sinh sâu sắc với quan niệm tam hợp Thiên - Địa - Nhân nhất thể được thể hiện qua cách ứng xử với môi trường sinh thái và thế giới tâm linh, góp phần làm phong phú, đa dạng hơn nữa các giá trị tinh thần truyền thống trong toàn vùng. Ngoài ra, thông qua mối quan hệ với tự nhiên, không chỉ hình thành nên những giá trị đạo đức mang tính giáo huấn, mà còn hình thành các giá trị thẩm mỹ gắn với hoàn thiện nhân cách con người trong lối sống của cộng đồng người Khmer Nam Bộ. Đó là tình yêu thiên nhiên, xem môi trường tự nhiên là cội nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, là không gian thanh khiết để cộng đồng người Khmer có thể chuyên tâm tu học theo giáo pháp và triết lý nhà Phật. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Thanh Nghị (1991), Việt Nam Tân từ điển minh họa, Tp. Hồ Chí Minh.
- 2 Hoàng Phê (1988), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 3 Nguyễn Đình Hòa (2008), “Triết học Mác - Nền móng cho sự xác lập quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên”, Tạp chí Triết học, số 7 (206).
- 4 Têvađa là vị thần bảo hộ gia đình, nhà cửa, đất đai. Mỗi khi có việc lành hoặc dữ xảy ra bất ngờ, người Khmer thường kêu “Têvađa ơi!”, cũng như người Việt thường kêu “Trời ơi!” hoặc người Công giáo thường gọi “Chúa ơi!” (Viện Văn hóa (1988), Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang, tr.87).
- 5 Maha Prum: vị thần bốn mặt, biểu tượng của đạo Bàlamôn.
- 6 Sơn Nam (2015), Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- 7 Arăk và Néak Tà là những vị thần bảo hộ trong dân gian Khmer.
- 8 Viện Văn hóa (1988), Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.
- 9 Nguyễn Anh Động (2014), Vài nét về văn hóa dân gian của người Khmer, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

- 10 Trường Lưu (Chủ biên) (1993), Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 11 Trường Lưu (Chủ biên) (1993), Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 12 Achar: một người từng tu hành, biết rành các thủ tục lễ bái theo đạo Phật; được nhà chùa giao cho việc hướng dẫn đồng bào làm lễ (Viện Văn hóa, Sđd, tr.104).
- 13 Trường Lưu (Chủ biên) (1993), Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 14 Hôra: nhà thiên văn, bói toán.
- 15 Viện Văn hóa (1988), Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.
- 16 Vassa theo tiếng Khmer có nghĩa là mùa mưa, vì mưa diễn ra ở đầu mùa hạ nên được gọi là lễ nhập hạ.
- 17 Chênh Vassa là lễ ra hạ hay lễ xuất hạ theo nghi thức tôn giáo Khmer.
- 18 Sa-dăm là loại trống chi nhạc cụ trong nhạc múa Khmer. Là loại trống đánh một mặt dành cho những ngày lễ, chuyên dùng cho múa Chahayam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác & Ăngghen Toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
2. Nguyễn Mạnh Cường (2008), Phật giáo Khmer Nam Bộ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Nguyễn Anh Động (2014), Vài nét về văn hóa dân gian của người Khmer, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Phạm Thị Phương Hạnh (Chủ biên) (2013), Văn hóa Khmer Nam Bộ, nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Trường Lưu (Chủ biên) (1993), Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Hà Lý (2004), Chùa Khmer Nam Bộ với văn hóa đương đại, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Hoàng Phê (1988), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Huỳnh Công Tín (2012), Ấn tượng văn hóa đồng bằng Nam Bộ, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Sơn Nam, (2015), Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Thanh Nghị (1991), Việt Nam Tân từ điển minh họa, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM (2015), Phật giáo vùng Mê - Kông di sản và văn hóa, tập 2, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
12. Viện Văn hóa (1988), Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.

Abstract

**RELATIONSHIP BETWEEN THE KHMER COMMUNITY IN
THE SOUTH VIETNAM AND THE NATURE THROUGH THE
TRADITIONAL FESTIVALS**

Nguyen Van Thanh

An Giang University

The Khmer community in the South has had a long process of settling and living in the Southern region. As a result of an enclosed lifestyle and traditional agricultural production methods, the Khmer community has established and organized the social life associated with the environment and natural surroundings. In the process of conquering the nature for survival, the Khmer community has prayed, worshiped, performed the traditional rituals to thank the supreme supernatural beings for protection and blessing them. They have become strong and maintained a typical lifestyle for the long-term in the Southern region.

Keywords: Rituals; Khmer community; Southern region; Vietnam.